TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 2 (QUATEST 2)
Địa chỉ: 02 Ngô Quyền, quận Sơn Trà & 97 Lý Thái Tổ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Address: No. 02 Ngo Quyen Str., Son Tra District & No. 97 Ly Thai To Str., Thanh Khe District, Da Nang City
Trung tâm Kỹ thuật Tây Nguyên: Khối 8, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Central Highlands Technical Center: Block 8, Tan An Ward, Buon Ma Thuot City, Dak Lak Province
Điện thoại/Tel.: (0236) 3848376; (0262) 3796999; Fax: (0236) 3910064
Email: info@quatest2.gov.vn - Website: quatest2.gov.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên mẫu: **NƯỚC CUỐI MẠNG NHÀ MÁY NƯỚC TUY AN**
2. Ký hiệu mẫu: NSPY-28
3. Số lượng mẫu: 01
4. Tình trạng mẫu: Mẫu khoảng 15,5 lít, chứa trong can nhựa 15 lít và chai thủy tinh 0,5 lít
5. Khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
6. Địa chỉ: 05 Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
7. Ngày nhận mẫu: 13/11/2023
8. Ngày thử nghiệm: từ ngày: 13/11/2023 đến ngày: 24/11/2023
9. Kết quả thử nghiệm:

TT	TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH		PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
1	Nhôm (Al)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	< 0,02 (MQL)
2	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	< 0,01 (MQL)
3	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6494-1:2011	< 0,20 (MQL)
4	Sunfua	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-} B&D:2017	KPH (MDL = 0,02)
5	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	< 0,001 (MQL)
6	Natri (Na)	mg/L	TCVN 6196-3:2000	3,70
7	Bari (Ba)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	< 0,05 (MQL)
8	Bor tính chung cho cả Borat và Axit boric	mg/L	SMEWW 4500- B C:2017	< 0,05 (MQL)
9	Cadmi (Cd)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	< 0,002 (MQL)
10	Chromi (Cr)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	< 0,01 (MQL)
11	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	< 0,01 (MQL)
12	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	< 0,02 (MQL)
13	Antimon (Sb)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	< 0,002 (MQL)
14	Nickel (Ni)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	< 0,01 (MQL)
15	Xyanua (CN^-)	mg/L	SMEWW 4500 CN^- E:2017	< 0,001 (MQL)
16	Seleni (Se)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	< 0,01 (MQL)
	Vi sinh vật			
17	*P.aeruginosa*	CFU/100mL	ISO 16266:2006	KPH (< 1)
18	*Staphylococcus aureus*	CFU/100mL	SMEWW 9213B (2017)	KPH (< 1)

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 2 (QUATEST 2)
Địa chỉ: 02 Ngô Quyền, quận Sơn Trà & 97 Lý Thái Tổ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Address: No. 02 Ngo Quyen Str., Son Tra District & No. 97 Ly Thai To Str., Thanh Khe District, Da Nang City
Trung tâm Kỹ thuật Tây Nguyên: Khối 8, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Central Highlands Technical Center: Block 8, Tan An Ward, Buon Ma Thuot City, Dak Lak Province
Điện thoại/Tel.: (0236) 3848376; (0262) 3796999; Fax: (0236) 3910064
Email: info@quatest2.gov.vn - Website: quatest2.gov.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT	TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH		PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
	Nhóm Alkan clo hóa			
19	Cacbontetraclorua	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,3)
20	Diclorometan	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,3)
21	Tricloroeten	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,3)
22	Tetracloroeten	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,3)
23	1,2 - Dicloroetan	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,3)
24	1,1,1-Tricloroetan	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,3)
25	Vinyl clorua	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,07)
26	1,2 - Dicloroeten	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,3)
	Hydrocacbua thơm			
27	Phenol và dẫn xuất của Phenol	µg/L	US EPA Method 3510C, 8270E	KPH (MDL = 0,017)
28	Benzen	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,3)
29	Toluen	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,3)
30	Xylen	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,3)
31	Etylbenzen	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,3)
32	Styren	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,3)
	Nhóm Benzen clo hóa			
33	Monoclorobenzen	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,3)
34	1,2-Diclorobenzen	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,3)
35	Triclorobenzen	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,3)
	Nhóm các chất hữu cơ phức tạp			
36	Acrylamide	µg/L	KT2.QT.CH-143 (KT2.K8.TN-50/S)	KPH (MDL = 0,1)
37	Epiclohydrin	µg/L	US EPA Method 8260D	KPH (MDL = 0,07)
38	Hexacloro butadien	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,3)
	Hóa chất bảo vệ thực vật			
39	Methoxychlor	µg/L	US EPA Method 3510C, 8270E	KPH (MDL = 0,005)
40	Clodane	µg/L		KPH (MDL = 0,005)
41	DDT và các dẫn xuất	µg/L		KPH (MDL = 0,005)
42	Alachlor	µg/L		KPH (MDL = 0,005)
43	Permethrin	µg/L		KPH (MDL = 0,3)

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 2 (QUATEST 2)
Địa chỉ: 02 Ngô Quyền, quận Sơn Trà & 97 Lý Thái Tổ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Address: No. 02 Ngo Quyen Str., Son Tra District & No. 97 Ly Thai To Str., Thanh Khe District, Da Nang City
Trung tâm Kỹ thuật Tây Nguyên: Khối 8, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Central Highlands Technical Center: Block 8, Tan An Ward, Buon Ma Thuot City, Dak Lak Province
Điện thoại/Tel.: (0236) 3848376; (0262) 3796999; Fax: (0236) 3910064
Email: info@quatest2.gov.vn - Website: quatest2.gov.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT	TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH		PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
	Hóa chất bảo vệ thực vật			
44	Aldicarb	µg/L	KT2.QT.CH-143 (KT2.K8.TN-50/S)	KPH (MDL = 1,0)
45	Carbofuran	µg/L		KPH (MDL = 1,0)
46	MCPA	µg/L		KPH (MDL = 0,2)
47	2,4-D	µg/L	KT2.QT.CH-115 (KT2.K8.TN-22/S)	KPH (MDL = 1,0)
48	2,4-DB	µg/L	KT2.QT.CH-143 (KT2.K8.TN-50/S)	KPH (MDL = 10)
49	Fenoprop (2,4,5-TP)	µg/L		KPH (MDL = 1,0)
50	Mecoprop (MCPP)	µg/L		KPH (MDL = 1,0)
51	Isoproturon	µg/L		KPH (MDL = 1,0)
52	Molinate	µg/L		KPH (MDL = 1,0)
53	Clorotoluron	µg/L		KPH (MDL = 2,0)
54	Pendimetalin	µg/L		KPH (MDL = 5,0)
55	Simazine	µg/L		KPH (MDL = 1,0)
56	Propanil	µg/L		KPH (MDL = 1,0)
57	1,3-Dichloropropen	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,3)
58	1,2-Dibromo-3 Cloropropan (DBCP)	µg/L		KPH (MDL = 0,2)
59	1,2-Dicloropropan	µg/L		KPH (MDL = 0,3)
60	Trifluralin	µg/L	US EPA Method 3510C, 8270E	KPH (MDL = 0,3)
61	Chlorpyrifos	µg/L		KPH (MDL = 0,3)
62	Dichloprop (2,4-DP)	µg/L	KT2.QT.CH-143 (KT2.K8.TN-50/S)	KPH (MDL = 10)
63	Atrazine và các dẫn xuất Chloro-s-trazine	µg/L		KPH (MDL = 3,0)
64	Cyanazine	µg/L		KPH (MDL = 0,1)
65	Hydroxyatrazine	µg/L		KPH (MDL = 1,0)
	Mức nhiễm xạ			
66	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	SMEWW 7110 B:2017	< 0,1 (MQL)
67	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L		< 0,6 (MQL)
	Hóa chất khử trùng và sản phẩm phụ			
68	Monochloramine(NA)	mg/L	SMEWW 4500-Cl^- G:2017	KPH (MDL = 0,02)
69	Bromat	µg/L	ISO 15061:2001	KPH (MDL = 3,0)
70	2,4,6-Triclorophenol	µg/L	US EPA Method 3510C, 8270E	KPH (MDL = 0,017)
71	Formaldehyde(NA)	µg/L	AOAC 964.21 (2016)	KPH (MDL = 200)
72	Bromoform	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,3)

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 2 (QUATEST 2)
Địa chỉ: 02 Ngô Quyền, quận Sơn Trà & 97 Lý Thái Tổ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Address: No. 02 Ngo Quyen Str., Son Tra District & No. 97 Ly Thai To Str., Thanh Khe District, Da Nang City
Trung tâm Kỹ thuật Tây Nguyên: Khối 8, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Central Highlands Technical Center: Block 8, Tan An Ward, Buon Ma Thuot City, Dak Lak Province
Điện thoại/Tel.: (0236) 3848376; (0262) 3796999; Fax: (0236) 3910064
Email: info@quatest2.gov.vn - Website: quatest2.gov.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT	TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH		PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
	Hóa chất khử trùng và sản phẩm phụ			
73	Dibromochloromethane	µg/L	US EPA Method 5021A	KPH (MDL = 0,3)
74	Bromodichloromethane	µg/L	US EPA Method 5021A	< 1,0 (MQL)
75	Chloroform	µg/L	US EPA Method 5021A	3,63
76	Dichloroacetic acid	µg/L	US EPA Method 552.2	KPH (MDL = 10)
77	Trichloroacetic acid	µg/L	US EPA Method 552.2	KPH (MDL = 10)
78	Monochloroacetic acid	µg/L	US EPA Method 552.2	KPH (MDL = 5)
79	Dichloroaxetonitrile	µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (MDL = 3)
80	Dibromoaxetonitrile	µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (MDL = 3)
81	Trichloroaxetonitril	µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (MDL = 0,3)

Ghi chú:
- KPH: không phát hiện;
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi;
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng và địa chỉ được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2;
- Trung tâm Kỹ thuật 2 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả;
- (NA): Chỉ tiêu chưa được BoA công nhận.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp.

TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 8

Đặng Tuấn Kiệt

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Ngô Thị Như Loan